

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VIỆN TRIẾT HỌC

TRẦN NAM CƯỜNG

NHỮNG TƯ TƯỞNG DUY VẬT VÀ VÔ THẦN
CƠ BẢN
TRONG TRIẾT HỌC SPINÔDA

Chuyên ngành : Triết học

Mã số : 60 22 80

LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC

Ng-êi h-íng dẸn khoa h-úc: PGS.TS NGUYỄN ĐÌNH TƯỜNG

HÀ NỘI - 2008

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

K.Marx từng nhận định: Các nhà triết học không phải là nấm mọc lên từ đất; họ là sản phẩm tinh thần của thời đại mình, mà suối nguồn tinh khiết nhất bắt nguồn từ những tư tưởng triết học.

Lịch sử triết học nhân loại luôn luôn nằm trong quá trình vận động, biến đổi, phát triển và kế thừa không ngừng. Bởi vậy, không có một hệ thống triết học nào không để lại dấu ấn của mình trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Triết học Tây Âu thế kỷ XVII là giai đoạn phát triển mạnh mẽ của tư tưởng triết học ở các nước châu Âu với nhiều đặc điểm đặc thù phân biệt nó một cách căn bản với các giai đoạn trước và sau đó của tư tưởng triết học.

Triết học Tây Âu thời kỳ này biểu thị rõ những đặc điểm của con đường phát triển tinh thần và văn hóa Tây Âu, là cái quy định vai trò của tâm tính phương Tây và của những thành tựu căn cứ trên vai trò ấy- những thành tựu khoa học, văn hóa và kinh tế. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học của chủ nghĩa tư bản đã đặt ra một loạt vấn đề cần có những kiến giải mới về thế giới, về xã hội và con người mà không dựa vào những giáo điều tôn giáo, duy tâm. Sự phát triển mạnh mẽ của toán học, cơ học đã phát hiện ra nhiều thuộc tính mới, những quy luật mới của thế giới. Thế giới tự nhiên vận hành theo những quy luật bất biến. Do đó đòi hỏi phải có một nền tảng mới luận giải về thế giới con người. Sự đấu tranh quyết liệt trong các quan niệm duy vật và duy tâm, vô thần và với các quan niệm giáo điều tôn giáo đã diễn ra trong suốt giai đoạn này. Chủ nghĩa duy lý như là một kết quả tất yếu của sự phát triển khoa học thời kỳ này. Một trong những đại biểu tiêu biểu đó là Spinôda.

Spinôda áp dụng tính chất hiển nhiên và rõ ràng của những nguyên lý cơ học cơ bản trong triết học tự nhiên cho phép không chỉ cung cấp một mẫu

hình cho nhận thức nói chung mà còn cung cấp một nội dung chủ yếu trong hệ thống của mình.

Spinôda hợp nhất những giá trị truyền thống, những mục đích giữa trí tuệ và hạnh phúc trên cơ sở với toàn bộ cách tiếp cận của cơ học, toán học. Theo ông, đây cách tiếp cận duy nhất đúng đắn có thể cho những đòi hỏi của nhận thức, qua đó thiết lập một quan niệm mới về bản chất của hạnh phúc dựa trực tiếp vào sự suy xét rút ra từ thực hành triết học tự nhiên. Ông đã cố gắng chỉ ra rằng là triết học tự nhiên có thể cung cấp cho chúng ta một sự hiểu biết về thế giới và vị trí của chúng ta trong đó.

Ông đã xem xét lại bản chất sự hiểu biết tôn giáo nói chung và mặc khái nói riêng, tiếp đến, đã cố gắng cung cấp một sự luận giải mới về sự tự nhận thức và sự tự do trên cơ sở những nguyên lý cơ học thời bấy giờ.

Động lực của ông nằm ở sự khao khát thể hiện trật tự của thế giới và bản chất của tự nhiên trong thực tại vô hạn, độc lập với những mục đích và lợi ích của con người. Ông đặt cho mình nhiệm vụ loại bỏ lý thuyết siêu hình của chủ nghĩa nhân cách, trong sự đối mặt với không chỉ thần học phổ thông, Do thái và Công giáo, mà sau đó cả chính triết học thống trị của của thời đại bấy giờ là Đêcáctơ. Đêcáctơ, trong khi loại bỏ những nguyên nhân cuối cùng khỏi khoa học về bản chất vật lý, lại cho rằng những mục đích thần thánh trong sự sáng tạo nằm vượt quá sự hiểu biết của con người. Trong cái nhìn của Spinôda, việc quy cho Chúa những mục đích trong khi lại tuyên bố những mục đích này là không thể hiểu biết được đối với nhận thức con người là nương tựa vào một loại si mê mới. “Tinh thần của con người có tri thức đúng đắn về bản chất vô hạn và vĩnh hằng về Chúa”. Bởi vậy, phải có một nhận thức đúng đắn về Chúa, Ngài phải là một đáng trải rộng bản chất vô hạn của mình trong kết cấu của vũ trụ cùng với một tính tất yếu mà không để lại bất kỳ khoảng trống cho ý định chủ quan của con người. Mục đích và phương tiện, điều tốt và điều xấu là tương đối trong năng lực nhận thức không hoàn

hảo của con người dưới hình thức của thời gian. Con người thường yêu thích tưởng tượng mình hoàn toàn độc lập với Chúa nhưng sự tưởng tượng này thiếu đi căn cứ. Spinôda sẽ chỉ ra đúng bản chất của Chúa, luận giải bản chất và xúc cảm một cách khách quan như “vấn đề của đường thẳng, mặt phẳng và hình ba chiều”.

Như vậy, những tư tưởng, cách kiến giải độc đáo, cấp tiến của ông về thế giới, về con người, về nhận thức với mục đích hướng con người tới sự hoàn thiện hơn, tới chân hạnh phúc. Những kiến giải này đã đặt thêm một nền móng vững chắc cho sự phát triển của những tư tưởng duy vật khoa học tiến bộ thời bấy giờ, cho quan niệm cấp tiến chống lại những tín điều tôn giáo; đồng thời qua đó góp phần tạo nên một đặc điểm đặc trưng – một sức mạnh mới cho văn hóa Tây Âu trong nhiều thế kỷ, thậm chí sức mạnh đó vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế, khoa học và xã hội tới tận ngày nay.

Ngày nay triết học phương Tây hiện đại vẫn không ngừng quay lại với triết học giai đoạn này chủ yếu là để phê phán. Bởi vì những điều kiện mới của tồn tại xã hội thiết yếu phải có những luận giải mới phù hợp; những luận giải mới đó luôn lấy các quan niệm của triết học Tây Âu cận đại làm một cứ liệu quan trọng để tìm ra những hướng mới cho sự phát triển tư tưởng. Do đó, việc nghiên cứu tư tưởng triết học giai đoạn này nói chung, triết học Spinôda nói riêng vẫn là điều vô cùng quan trọng; giúp nắm bắt được logic phát triển của triết học phương Tây nói chung đồng thời góp phần hiểu được phần nào triết học phương tây hiện đại, đời sống tinh thần của phương Tây hiện đại.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong lịch sử tiếp nhận về Spinôda tồn tại rất những ý kiến khác nhau thậm chí hoàn toàn đối lập nhau, sự khác nhau đó không những chỉ về các luận điểm cụ thể mà cả về tổng thể hệ thống. Những quan điểm của ông về mối quan hệ giữa Chúa với thế giới, giữa tinh thần và thể xác, giữa lý tính, sự tưởng tượng và cảm xúc đã được tranh biện một cách rất sâu sắc. Có rất nhiều “Spinôda”, ông có thể

được coi là một nhà duy vật và cũng có thể được coi là “một người say mê tôn sùng Chúa”; ông có thể được coi là một người theo thuyết định mệnh cũng có thể được coi là một nhà khai sáng bảo vệ tự do; ông cũng có thể được coi là một nhà duy lý nghiêm ngặt cũng có thể được coi là người tiền thân của chủ nghĩa lãng mạn. Điều này phụ thuộc vào chính các văn bản của Spinôda cũng như chính các phong trào tri thức đánh giá, phản ánh tư tưởng của Spinôda.

Trong thế kỷ XVII và một nửa thế kỷ sau đó, hình ảnh đầu tiên của Spinôda hiện ra là một nhà vô thần cực đoan và chống tôn giáo một cách thái quá. Những người nghiên cứu tư tưởng của ông luôn với ý định để bác bỏ ông. Ở giai đoạn này, nếu có đánh thức sự quan tâm tích cực thì chỉ là với những nhà tư tưởng nhìn tôn giáo chính thống với con mắt phê phán. Tuy nhiên, tất cả đều chưa có những nhận định xác đáng về tư tưởng của ông, họ nói chung đều coi ông là một người duy vật và chống tôn giáo một cách thái quá. Bài báo của Boilơ là nguồn duy nhất cho độc giả sự hiểu biết về Spinôda. Lepnít cũng đánh giá cao Spinôda và đánh giá ông đã kế thừa rất nhiều từ Đêcáctơ, từ sự phủ định Đêcáctơ, ông kế thừa tính tự nhiên của thực thể Spinôda với việc tăng thêm số lượng về nó; lý thuyết hài hòa tiền định được đưa ra để giải quyết sự khó khăn của Đêcáctơ về quan hệ giữa tinh thần và thể xác cùng với tồn tại đồng thời của tư duy và quảng tính.

Có hai lối luận giải mới được đưa ra vào thế kỷ XVIII. Giôn Tôlan là môn đệ của Lôckơ đã sáng tạo ra thuật ngữ phiếm thần, nhấn mạnh Chúa được đồng nhất với giới tự nhiên, theo ông chính Spinôda là nền tảng chân thực của tất cả những tôn giáo mặc khải. Từ đó, học thuyết của Spinôda được coi là phiếm thần luận.

Vào thế kỷ XVIII, sự hiểu biết và việc sử dụng tư tưởng của Spinôda tiếp tục không thông qua trực tiếp các văn bản của ông chỉ thông qua một số bản tóm tắt, thông qua sự phủ định hay phóng tác tư tưởng của ông mà thôi. Tuy nhiên, giai đoạn này cũng thấy sự bắt đầu giải thích tư tưởng Spinôda đặc biệt là quan

điểm của ông về mối quan hệ giữa Chúa với thế giới trong truyền thống tri thức của đạo Do Thái. Giai đoạn đầu thế kỷ XVIII, cũng thấy sự vươn dậy của cái được gọi là “một Spinôda không được biết tên”- một sự lưu hành những văn bản của ông trong văn chương chiến đấu nhằm chống lại tôn giáo mặc khải. Có ba chủ đề liên quan tới Spinôda ở loại văn chương này đó là sự đấu tranh chống lại mê tín, sự phê phán Kinh Thánh và sự phê phán về tôn giáo.

Một bản dịch đối chiếu, so sánh di sản của Spinôda phát triển đặc biệt là ở Pháp, ở đó phục hồi ý nghĩa học thuyết thực thể với việc liên kết lý thuyết này với những thành tựu phát triển mới trong khoa học tự nhiên, nhấn mạnh ở những hình thức sinh học. Quan điểm của Đidrô là một ví dụ điển hình. Ông đã làm mới lại quan niệm về vật chất có thể được nhận thức bằng giác quan thông qua những thành tựu của khoa học tự nhiên, dựa trên hai quan sát cơ bản: sự phát triển của trứng, và sự tiến hóa của động vật, từ đó rút ra kết luận “không thể có nhiều hơn một thực thể trong vũ trụ, trong con người và trong động vật”, “chỉ duy nhất có một cá thể đó là tính tổng thể”. Thực thể này chính là vật chất, nhưng là vật chất sống động, đầy xung lực và vật chất trong dòng vận động bất diệt. Một sự kiến giải mới như vậy thông qua khái niệm đầy xung lực về vật chất và sự phản đối cơ chế máy móc của thuộc tính quang tính được xem là sự chối bỏ những quan điểm của Đêcáctơ, cách đánh giá này có thể được tìm thấy ở Lamêtri.... Đây là một đặc điểm đặc trưng của thời đại. Cách đánh giá với kết cấu toán học đã bị loại bỏ để nhường chỗ cho một hình thức khác, đó là hình thức của sinh học.

Ở nước Đức, tư tưởng Spinôda được đánh giá theo nhiều cách khác nhau. Xung đột về phiếm thần luận tại đây xuất hiện sau khi Lêsinh mất. Lêsinh đã bảo vệ cho sự khoan dung và đại diện cho đỉnh điểm của quan niệm Khai sáng là sự phê phán truyền thống, mặc dù vẫn cần trọng để chứng minh cho tôn giáo mặc khải bằng cách tẩy rửa nó ra khỏi những mê tín, mang lại cho nó tính bao dung, và mang lại cho nó một vị trí trong hệ thống lý tính. Sau đó,

Giacôbanh đã xuất bản một bộ sách nói rằng, Lêsinh đã nói với ông rằng ông là một người theo Spinôda với nghĩa học thuyết về một nguyên lý hợp nhất của thế giới, và chống lại tôn giáo mặc khải. Nhiều người đã phản ứng lại quan điểm này và gần như toàn bộ giới học thuật đức lúc đó đều xung đột với nhau về quan điểm này, họ đọc lại Spinôda, đánh giá lại giá trị học thuyết và đưa ra Spinôda không còn xuất hiện như là một người nguy hiểm cho sự mặc khải vì không tôn kính Chúa mà hơn thế bởi vì ông là người quy cả triết học và tôn giáo về tinh thần nói chung. Đây chính xác là quan niệm của chủ nghĩa lãng mạn và sau đó là của hệ thống tư tưởng chủ nghĩa duy tâm Đức.

Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm Đức thế kỷ XIX.

Những nhà lãng mạn đã đưa ra những kiến giải mới về Spinôda từ những xung đột phiếm thần, ở đó hình ảnh truyền thống về một nhà vô thần đã biến mất để tạo khoảng trống cho sự đối lập của nó: Spinôda- một con người tôn sùng Chúa. Gothe đã cho rằng ông là một người tôn sùng đạo Thiên chúa. Những quan điểm này hoàn toàn khác với quan điểm của những nhà tự do sử dụng để chống lại Thiên Chúa giáo. Hêghen đã khớp với sự lựa chọn được đưa ra vào bất kỳ triết gia nào: Hoặc là Spinôda hoặc là không có triết học nào cả. Tất nhiên, điều này không có nghĩa là bất kỳ ai cũng phải nằm trong hệ thống triết học Spinôda. Ông cho rằng, Spinôda đã đánh một dấu mốc mới bởi vì xác nhận sự tồn tại của thực thể nhưng theo Hêghen, cần phải quan niệm thực thể này là chủ thể, nó hàm chứa trong mình sự tự vận động trong khi ở Spinôda thực thể là cứng đờ, trống rỗng và không có xung lực. Hêghen đã phê phán ông vì đã không mang lại bất kỳ điều gì minh chứng cho sự tồn tại đa dạng chân thực của thế giới. Hêghen hiểu những thuộc tính như là quan điểm về thực thể vì chỉ ra bằng cách nào để hiệu chỉnh lại quan điểm cứng đờ chết cứng của Spinôda bằng việc nghĩ về quảng tính bắt đầu từ tư duy và bằng việc đưa vận động của tinh thần vào thực tiễn.

Vào năm 1841, Mác trẻ đã đọc những bản viết của Spinôda. Trong *Gia Đình Thần Thánh*, ông đã xếp Spinôda vào trong số những triết gia duy vật

tiêu biểu trong lịch sử triết học. Ăngghen đã coi Spinôda là đại diện điển hình của phép biện chứng. Những quan điểm duy vật và vô thần trong quan niệm của Spinôda đã được Các Mác và Ăngghen đánh giá rất cao.

Tư tưởng của Spinôda đã có ảnh hưởng và được nghiên cứu nhiều trên thế giới. Tuy nhiên tại Việt nam, các tư liệu, các đề tài nghiên cứu về Spinôda là chưa nhiều.

Giáo trình Lịch sử triết học của Viện hàn lâm khoa học Liên Xô do NXB Sự Thật xuất bản (1960), đã giới thiệu một cách khái quát về những tư tưởng triết học Spinôda. Tại đây trình bày khái niệm thực thể, các thuộc tính của thực thể vấn đề nhận thức luận trong triết học của ông; đặc biệt giáo trình thống nhất đánh giá qua đây thể hiện những tư tưởng duy vật khoa học tiên bộ so với đương thời.

Một số giáo trình triết học phổ thông đều thống nhất với những nhận định trên. Mặc dù vậy các giáo trình cũng chưa tìm hiểu sâu hơn những luận đề, những định đề, những kết luận trong cách thức lập luận của Spinôda; chưa có sự đối chiếu so sánh toàn diện về nguồn gốc mà ông kế thừa để xây dựng tư tưởng, đồng thời chưa đối chiếu với những tư tưởng đương thời.

- Gần đây vào năm 2005, bộ sách Lịch sử triết học phương tây của tác giả Nguyễn tiến Dũng, NXB TH TPHCM cũng đã giới thiệu khái lược về tư tưởng triết học Spinôda. Trong đó tác giả cũng có những nhận định về những đóng góp cũng như những hạn chế trong tư tưởng duy vật, biện chứng của Spinôda, đặc biệt nhấn mạnh tới việc bị ảnh hưởng bởi thành tựu khoa học tự nhiên bấy giờ tới các quan điểm của Spinôda.

- Trong Đại cương lịch sử triết học phương Tây, NXB TPHCM xuất bản 2006 của tập thể tác giả Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, nhấn mạnh tới sự luận chứng mới của Spinôda về mặt bản thể luận cho sự tồn tại của Chúa. Ở đây, tập thể tác giả chủ yếu tiếp cận về mặt văn hóa học với các tư tưởng của Spinôda.

Như trên đã trình bày, do hầu hết các tài liệu trong nước đều thống nhất trong việc nghiên cứu các tư tưởng của Spinôda; mặc dù vậy, sự nghiên cứu

chi tiết từng định đề, từng luận điểm, từng kết luận quan trọng theo quan điểm của triết học Mác- Lênin để có những nhận định phù hợp về triết học Spinôda là vẫn rất cần thiết.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

Mục đích: - Phân tích một số tư tưởng duy vật và vô thần cơ bản trong triết học Spinôda, từ đó rút ra giá trị và hạn chế của những tư tưởng đó.

Nhiệm vụ: - Làm rõ bối cảnh xuất hiện những tư tưởng triết học của Spinôda trong giai đoạn triết học Tây Âu thế kỷ XVII.

- Phân tích những biểu hiện của những tư tưởng này trong quan niệm của Spinôda về thực thể, về nhân quả và nhận thức.

- Từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá về những giá trị, đóng góp trong tư tưởng triết học của Spinôda.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên quan điểm của triết học Mác- Lênin về triết học với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, về lịch sử triết học như một triết học duy nhất. Đồng thời, luận văn cũng dựa trên những nghiên cứu của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác- Lênin về lịch sử triết học nói chung, về triết học Tây Âu cận đại và triết học Spinôda nói riêng, coi đó là những chỉ dẫn quý báu về mặt phương pháp luận.

Luận văn sử dụng các phương pháp: phân tích và so sánh, phân tích-tổng hợp, lịch sử- lôgic.

5. Điểm mới của luận văn

Luận văn luận chứng cụ thể về vấn đề những tư tưởng duy vật và vô thần trong triết học Spinôda.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn đáp ứng phần nào yêu cầu nghiên cứu lịch sử triết học phương Tây, triết học Spinôda ở nước ta; có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy lịch sử triết học.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 2 chương, 6 tiết.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. PHẦN TIẾNG VIỆT

1. Quang Chiến (chủ biên) (2000), *Chân dung triết gia Đức*, Viện Triết học- Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Trọng Chuẩn (2000), *G.V Lépniút và học thuyết về đơn tử*, Chân dung triết gia Đức.
3. Nguyễn Trọng Chuẩn (1995), *R. Đécác tơ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Trọng Chuẩn, Đỗ Minh Hợp, *Quan niệm về lịch sử triết học của Hêghen*.
5. Descarte R (1972), *Những suy niệm siêu hình học*, Nxb Ra khơi, Sài Gòn.
6. Uyn Duran (1971), *Câu chuyện triết học*, Vạn Hạnh, Sài Gòn (Dịch giả: Thích nữ Trí Hải và Trí Bửu).
7. Đỗ Minh Hợp (2006), *Đại cương lịch sử triết học phương Tây*, Nxb tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
8. Đỗ Minh Hợp (2000), "Triết học phương Tây hiện đại: một cái nhìn khái quát", *Triết học*, (1).
9. Đỗ Minh Hợp (2004), "Đối tượng của triết học- lịch sử vấn đề", *Tạp chí Triết học*, (1).
10. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
11. V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Tiến bộ, Mát xcova.
12. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. C. Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Lê Tôn Nghiêm (1970), *Lịch sử triết học Tây phương*, tập 2, Nxb Lá Bối, Sài Gòn.
18. Đặng Hữu Toàn (1999), "Học thuyết thực thể của Xpinoda", *Tạp chí Triết học*.
19. Nguyễn Đình Tường (1996), "Quan niệm của Hêghen về triết học cận đại", *Tạp chí Triết học*.
20. *Từ điển triết học* (1976), Nxb, Sự thật, Hà Nội.
21. *Từ điển triết học* (1986), Nxb Tiến bộ, Maxcova.
22. Viện Triết học, Viện Hàn Lâm Khoa học Liên Xô (1998), *Lịch sử phép biện chứng, tập II, Phép biện chứng thế kỷ XIV- XVIII*, Nxb Chính Trị Quốc gia, Hà Nội.
23. Viện Triết học, Viện Hàn Lâm Khoa học Liên Xô (1998), *Lịch sử phép biện chứng, tập III, Phép biện chứng Cổ điển Đức*, (dịch và hiệu đính: Đỗ Minh Hợp), Nxb Chính Trị quốc gia, Hà Nội.
24. Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô (1959), *Triết học của xã hội phong kiến*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
25. Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô (1960), *Triết học thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa (từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVIII)*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

II. PHẦN TIẾNG ANH

26. W.G Burgh, *Great Thinkers*, (VIII) Spinoza.
27. Walter Eckstein, *The Religious Element in Spinoza's Philosophy*, The University of Chicago Press Stable.
28. T.M. Forsyth, *Spinoza's Doctrine of God in Relation to His Conception of Causality*, *Philosophy*, Vol.23, No.87, (Oct., 1948), pp. 291-301, Cambridge University Press.
29. Stephen Gaukroger, *The unity of knowledge: natural-philosophical foundations of Spinoza's politico-theology*, www.art.usyd.edu.au/departs/philos/spinoza.

30. Genevieve Lloyd, *Spinoza Critical Assessments*, Routledge London and Newyork.
31. R.H. Moorman, The Influence of Mathematics in the Philosophy of Spinoza, *National Mathematics Magazine*, Vol. 18, No. 3, (Dec., 1943), pp. 108-115, Mathematical Association of America.
32. Peter Myers, Marx on Spinoza, August 24, 2004, [www.user Cyberone.com.au/myers/spinoza-pantheism](http://www.user.cyberone.com.au/myers/spinoza-pantheism).
33. Joseph Ratner, *Spinoza on God*.
34. Joseph Ratner, *The philosophy of Spinoza*, Columbia University.
35. L. Roth, *Spinoza and Cartesianism (I)*, [www. Jstor. Org](http://www.jstor.org).
36. L. Roth, *Spinoza and Cartesianism (II)*, [www. Jstor. Org](http://www.jstor.org).
37. W. R. Sorley, *Jewish Mediaeval Philosophy and Spinoza*, *Mind*, Vol.5, No. 19 (Jul., 1880), pp. 362-384, Oxford University Press.
38. Matthew Stuart, *Descartes, Spinoza, Leibniz: The Concept of Substance in Seventeenth- Century Metaphysics*, Duke University Press on behalf of *Philosophical Review*.
39. Meyer Waxman, *Baruch Spinoza's Relation to Jewish Philosophical Thought and to Judaism*, *The Jewish Quarterly Review*, New Series, Vol. 19, No.4, (Apr., 1929), pp. 411-430, University of Pennsylvania Press Stable.